

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan
2. Bà Võ Thị Ngọc Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2020/TB-TLVA ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim Ng, sinh năm 1988

HKTT: ấp TQ, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp PX, xã PM, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp TQ, xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

(chị Ng có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 03 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị Dương Thị Kim Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nguyên nhân do anh L nghi ngờ chị sử dụng tiền chung của vợ chồng không đúng mục đích nên vợ chồng cự cãi, anh L chửi mắng và đánh đập chị. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và sống ly thân với anh L từ năm 2018 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L chung sống có 01 con chung là Phạm Gia H sinh ngày 30/11/2013. Hiện cháu H đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Phạm Văn L: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Kim Ng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Dương Thị Kim Ng và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã THTh, huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011 quyển số 01/2011 ngày 16/8/2011. Như vậy, chị Ng và anh L có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Kim Ng và anh Phạm Văn L là hợp pháp.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Kim Ng trình bày như sau: Chị Ng và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do mâu thuẫn về chi tiêu trong gia đình nên vợ chồng cãi vã, chị Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột chị Ng sống và đã sống ly thân với anh L từ đó cho đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2.1.3] Xét thấy, chị Ng và anh L không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Đồng thời, anh L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh L cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị Ng. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng.

[2.2] Về con chung: Chị Dương Thị Kim Ng và anh Phạm Văn L chung sống có 01 con chung là Phạm Gia H sinh ngày 30/11/2013. Hiện chị Ng đang nuôi cháu H. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, trong thời gian chị Ng và anh L sống ly thân, chị Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập, sự phát triển bình thường của cháu H và có xét đến nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ của cháu H, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị Ng là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự không đặt ra xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Dương Thị Kim Ng phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Kim Ng.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim Ng được ly hôn với anh Phạm Văn L.
 - Về con chung: Giao con chung tên Phạm Gia H sinh ngày 30/11/2013 cho chị Dương Thị Kim Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
 - Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Dương Thị Kim Ng đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 20771 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h.TP - TG;
- UBND x. THTh – TP – TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc